

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 10 và 10 tháng năm 2013

I. CÔNG NGHIỆP

Tháng 10 một số ngành tiếp tục có mức tăng khá so tháng 9 như: chế biến thực phẩm tăng 17,9% trong đó sữa tăng nhiều nhất 23,5%; in tăng 13,6%; thuốc lá tăng 8,9%; sản xuất ô tô tăng 8%; trang phục tăng 6,2%; cao su tăng 5,9%; da tăng 5%; giấy tăng 5%...Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10 ước tăng 4,6% so tháng 9, tăng 7,7% so tháng 10/2012. **Mức tăng 10 tháng ước đạt 5,9% so cùng kỳ.** Trong đó công nghiệp khai khoáng giảm 2,8%; công nghiệp chế biến tăng 5,8%; sản xuất phân phối điện tăng 7,1%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 13,3% so cùng kỳ. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau :

Chỉ số phát triển công nghiệp Một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính : %	
	Tháng 10 so với tháng 9	10 tháng so với cùng kỳ năm 2012
Tổng số	104,6	105,9
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	106,4	97,2
2. Công nghiệp chế biến	104,6	105,8
3. SX và phân phối điện	99,4	107,1
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	103,9	113,3
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	117,9	105,1
2. Sản xuất đồ uống	102,8	109,2
3. Sản xuất quần áo	106,2	110,4
4. Sản xuất da và SP liên quan	105,0	112,8
5. SX hóa chất và SP hóa chất	103,0	103,3
6. Sản phẩm từ plastic	105,9	110,0
7. Sản xuất vật liệu xây dựng	103,7	103,8
8. Sản xuất SP điện tử	104,3	102,9
9. Sản xuất thiết bị điện	102,7	107,9
10. SX ô tô	108,0	72,4

Có 22/26 ngành (ngành cấp 2) tăng, trong đó một số ngành có tỷ trọng cao như: may, da giày, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, da giày, thuốc hóa dược, trang phục, cao su, đồ uống... có mức tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Có 4 ngành giảm là khai khoáng khác (-2,8%), sản xuất kim loại (-3,7%), ô tô (-27,6%) và sản xuất giường tủ bàn ghế (-9,9%).

Trong tháng 10 một số ngành chủ yếu đều tăng trưởng so tháng 9, đặc biệt là ngành sản xuất ô tô đã tăng trưởng trở lại, ngành sản phẩm điện tử tăng cao trong tháng 9 nhưng trong tháng 10 chỉ tăng nhẹ.

Xét theo sản phẩm, 10 tháng một số sản phẩm sản xuất tăng khá cao như: sản phẩm thịt tăng 5,6% ; bia tăng 9,2% ; vali túi xách tăng 29% ; xà phòng chất tẩy rửa tăng 14,8% ; áo quần tăng 10,4% ; giày dép tăng 11,5% ; thuốc hóa dược tăng 11% ; bao bì plastic tăng 10% ; xi măng tăng 4,4% ; tivi tăng 20,3%...như vậy các sản phẩm phục vụ tiêu dùng thiết yếu (thực phẩm), một số sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm vật liệu xây dựng vẫn duy trì mức tăng.

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: tháng 10 ước tăng 4,6% so tháng 9, tăng 7,8% so tháng 10/2012. 10 tháng tăng 5,5% so cùng kỳ, thấp hơn mức tăng 9 tháng 0,4 %. Trong đó: chế biến lương thực thực phẩm tăng 7,3% ; hóa dược cao su tăng 8,6%; điện tử tăng 2,9% và cơ khí chế tạo tăng 4,7%. Nhìn chung chỉ số của các ngành đều giảm so mức tăng của 9 tháng 2013 trừ ngành chế biến lương thực thực phẩm.

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 1/10 tăng 1,2 % so thời điểm 1/9, trong đó tồn kho tăng có 14 ngành (ngành cấp 2), một số ngành có mức tăng khá cao: đồ uống (+86,6%); sản xuất kim loại (+43,5%); chế biến thực phẩm (+15,6%); hóa chất (12,2%) ; thuốc lá (+10,4%). Các ngành tháng trước có chỉ số tồn kho cao nhưng tháng này giảm là in, sản xuất từ sản phẩm kim loại đúc sẵn, sản xuất ô tô và sản xuất tủ giường bàn ghế.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

Sản xuất vụ hè thu: tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 10.825,6 ha, tăng 7,4% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, lúa 6.271,4 ha, tăng 5,4%, năng suất đạt 42 tạ/ha, sản lượng 26.361,8 tấn, tăng 6,4%.

Rau 3.207,5 ha, tăng 0,8%, sản lượng đạt 78.353,2 tấn, tăng 5,6%; bắp 88,7 ha, gấp đôi cùng kỳ; mía trồng mới 472,9 ha, tăng 24,2%; đậu phộng 136,5 ha, bằng 2,3 lần so với cùng kỳ.

Tình hình gieo trồng vụ mùa: lúa đã xuống giống 8.322,4 ha, đạt 98% so với cùng kỳ. Rau 4.259,4 ha, xấp xỉ cùng kỳ (rau muống nước 1.887,8 ha).

2. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản tháng 10 ước đạt 4.942,5 tấn, giảm 1,6% so tháng trước và tăng 9,7% so cùng kỳ năm 2012. Sản lượng khai thác 2.373,3 tấn, tăng 1,9% (cá chiếm 56,9%); sản lượng nuôi trồng 2.569,2 tấn, tăng 18% so cùng kỳ (tôm chiếm 61,3%, tăng 7,9%).

Tổng sản lượng thủy sản 10 tháng đầu năm ước đạt 40.166 tấn, tăng 9,5% so cùng kỳ, trong đó: khai thác tăng 8,1%; nuôi trồng tăng 11,3%.

Tình hình nuôi tôm: tính đến ngày 10/10 đã có 3.201 lượt hộ thả nuôi, trong đó tôm sú 753 lượt hộ. Tổng diện tích nuôi 5.939,4 ha (tôm sú chiếm 56,9%); số lượng con giống 1.635,8 triệu con (tôm sú 9,4%).

Dịch bệnh trên tôm: từ đầu năm đến nay đã có 231 lượt hộ phát hiện dịch bệnh trên diện tích 161,4 ha; trong đó có 41,2% diện tích được xử lý bằng nguồn thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tận thu và tự xử lý.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng vốn đầu tư XDCB và sửa chữa lớn trên địa bàn 10 tháng ước thực hiện 128.417 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 3,5%; so với kế hoạch năm đạt 60% (10 tháng năm 2012 tăng 9%, đạt 70,3% kế hoạch năm).

Trong đó vốn ngân sách thành phố 13.373,7 tỷ đồng, tăng 2,2% so với cùng kỳ và đạt 78% kế hoạch năm (10 tháng cùng kỳ tăng 8,5%; so kế hoạch đạt 76,5%). Cấp thành phố ước thực hiện 7.415,2 tỷ đồng, chiếm 55,4%, so cùng kỳ tăng 6,7%; Cấp quận huyện 5.958,5 tỷ đồng, chiếm 44,6%, so với cùng kỳ bằng 97,1%.

Vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch	Cùng kỳ năm 2012
Tổng vốn đầu tư	13.373,7	78,0	102,2
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	876,2	82,9	85,9
Cấp thành phố	7.415,2	71,0	106,7
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	452,1	70,9	67,7
Cấp quận huyện	5.958,5	85,5	97,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	424,1	81,1	120,5

Tình hình chung vốn ngân sách 10 tháng có tốc độ tăng thấp, tuy nhiên thành phố ưu tiên cho những dự án giao thông cấp bách nhằm phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng.

Tình hình thực hiện các công trình trọng điểm có sử dụng vốn ngân sách thành phố :

- **Đường cao tốc TPHCM-Long Thành-Dầu Giây:** Hiện đang đền bù giai đoạn cuối ở Quận 9, tiếp tục thực hiện nút khởi đầu nối Đại lộ Đông Tây tại Quận 2 và hợp long cầu Long Thành bắc qua sông Đồng Nai.

- **Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất–Bình Lợi:** phần giải tỏa, hiện còn vương ở Quận Tân Bình. Trong tháng 9 đã thông xe được 5/13,6 km đoạn từ nút giao thông Nguyễn Sơn đến cầu Bình Triệu.
- **Dự án mở rộng tuyến đường xa lộ Hà Nội:** Đang hoàn thiện đoạn từ ngã tư Thủ Đức đến khu du lịch Suối Tiên.
- **Cầu vượt bằng thép tại vòng xoay Cây Gõ:** Công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 19/10/2013.

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở riêng lẻ hộ dân:

Tính đến ngày 30/9, toàn thành phố đã cấp 30.926 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 5.445,5 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 27.374 giấy phép, với diện tích 4.981,1 ngàn m² và 3.552 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 464,4 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 4,9% về giấy phép (+ 1.448 giấy phép) và tăng 9% về diện tích (+ 450,6 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/10, đã có 360 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 845,9 triệu USD (vốn điều lệ 562,5 triệu USD), vốn đầu tư bình quân một dự án 2,3 triệu USD.

Chia theo hình thức đầu tư: liên doanh 92 dự án, vốn đầu tư 453,6 triệu USD; 100% vốn nước ngoài 268 dự án, vốn đầu tư 392,3 triệu USD.

Theo lĩnh vực đầu tư: công nghiệp 42 dự án, vốn đầu tư 118,2 triệu USD (chiếm 14% tổng vốn); xây dựng 32 dự án, vốn đầu tư 57,3 triệu USD (chiếm 6,8%); thương nghiệp 108 dự án, vốn đầu tư 203,9 triệu USD (chiếm 24,1%); vận tải kho bãi 10 dự án, vốn đầu tư 6,9 triệu USD; hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ 80 dự án, vốn đầu tư 286,7 triệu USD (chiếm 33,9%); kinh doanh bất động sản 7 dự án, vốn đầu tư 76,2 triệu USD; thông tin truyền thông 60 dự án, vốn đầu tư 23,8 triệu USD,...

Theo quốc gia đầu tư: Singapore 49 dự án, vốn đầu tư 273,1 triệu USD; Nhật Bản 98 dự án, vốn đầu tư 95,9 triệu USD; Cayman Islands 3 dự án, vốn đầu tư 321,8 triệu USD; Hàn Quốc 50 dự án, vốn đầu tư 25,7 triệu USD; Hà Lan 6 dự án, vốn đầu tư 21,4 triệu USD; Đức 11 dự án, vốn đầu tư 24,4 triệu USD;...

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 107 dự án, số vốn tăng 639 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và điều chỉnh tăng vốn tính đến ngày 15/10 đạt 1.484,9 triệu USD.** Giải thể, chuyển đi tỉnh thành khác và rút phép trước thời hạn 53 dự án, vốn đầu tư 429,6 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Từ 16/9 đến ngày 15/10 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cấp phép thành lập mới 2.292 doanh nghiệp, tăng 333 doanh nghiệp so với cùng kỳ tháng trước và tăng 237 doanh nghiệp so với cùng kỳ năm 2012.

Tính từ đầu năm đến 15/10 đã có **21.087** doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 7,5% so với cùng kỳ; bao gồm: 959 doanh nghiệp tư nhân, 2.283 công ty cổ phần và 17.845 công ty TNHH. Trong đó các ngành có số doanh nghiệp thành lập mới giảm là nông lâm thủy sản, khai khoáng, sản xuất phân phối điện khí đốt, ngành xây dựng, thông tin truyền thông, kinh doanh bất động sản. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 95.367 tỷ đồng, bằng 57,2% cùng kỳ năm trước. Tính chung qui mô vốn bình quân 1 doanh nghiệp chỉ bằng 53,2% của cùng kỳ.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Theo cơ quan Thuế thành phố, trong tháng 9 có 1.910 doanh nghiệp ngưng nghỉ kinh doanh, giảm 26,3% so tháng 8 và tăng 16,1% so với tháng 9/2012. Trong đó: khu vực có vốn nước ngoài 21 doanh nghiệp.

Tính chung 9 tháng đầu năm có 17.232 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 68% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới và số doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ). So với 9 tháng cùng kỳ, số doanh nghiệp ngưng nghỉ giảm 2,6%; riêng khu vực có vốn nước ngoài tăng 38,7% (tăng 190 doanh nghiệp), bằng 60,9% số doanh nghiệp mới tăng trong kỳ.

IV. NỘI THƯƠNG - GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn thành phố tháng 10 ước đạt 52.264,4 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 12,5% so với tháng 10/2012.

Ước tính 10 tháng đạt 493.234 tỷ đồng, tăng 12,2 % so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- + Kinh tế nhà nước 85.825 tỷ đồng, chiếm 17,4%, tăng 8,1%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 387.231 tỷ đồng, chiếm 78,5%, tăng 12,8%
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 20.178 tỷ đồng, chiếm 4,1%, tăng 19,9%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 10 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 10 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	493.234	473.056	20.178	112,2	111,9	119,9
Tr.đó: Thương nghiệp	399.518	394.855	4.663	111,0	110,8	128,3
Khách sạn	6.042	2.872	3.170	112,1	112,8	111,5
Nhà hàng	50.383	47.301	3.082	116,4	116,5	115,3
Du lịch lữ hành	12.992	10.988	2.003	127,8	129,9	117,1

Loại trừ yếu tố biến động giá tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ 10 tháng đầu năm tăng 8,5%.

* **Hoạt động du lịch:** doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 10 tháng đầu năm đạt 19.034 tỷ đồng, chiếm 3,9% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 22,3% so cùng kỳ. Trong đó du lịch lữ hành tăng 27,8%, khách sạn tăng 12,1%.

2. Giá cả

2.1 Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 so với tháng 9 tăng 0,17%. Trong tháng có 7/11 nhóm mặt hàng có chỉ số giá tăng, trong đó có 4 nhóm hàng tăng cao hơn mức tăng bình quân là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,41%), nhóm hàng may mặc mũ nón giày dép (+0,29%), giáo dục (+0,22%) và nhà ở điện nước chất đốt vật liệu xây dựng (+0,19%), ba nhóm hàng còn lại tăng nhẹ. Bốn nhóm hàng giao thông, bưu chính viễn thông, văn hoá giải trí du lịch và dịch vụ khác giảm nhẹ.

Mức biến động giá của một số nhóm mặt hàng trong tháng so với tháng trước:

Nhóm lương thực tiếp tục giảm 0,23% nâng mức giảm so đầu năm lên 3,64% nguyên nhân chủ yếu do giá gạo thế giới giảm mạnh ảnh hưởng giá gạo trong nước.

Nhóm thực phẩm tăng 0,85%, trong đó thịt heo tăng 1,40%; thịt bò tăng 0,85%; thịt gia cầm tăng 1,20%, rau các loại tăng khá cao (3,60%) do ảnh hưởng tình hình mưa nhiều ở thành phố cũng như các tỉnh, trứng các loại giảm 0,71%; dầu mỡ ăn giảm 0,24%; trái cây giảm 0,24%.

Nhóm nhà ở điện nước chất đốt, VLXD tăng chủ yếu do giá gas tăng 0,43%.

So với tháng 12/2012, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,61%: có 3 nhóm hàng hóa có mức giá giảm là: “nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD” giảm 0,13%, “bưu chính viễn thông” giảm 0,94% và “dược phẩm, dịch vụ y tế” giảm 0,01%. Các nhóm còn lại đều tăng, trong đó “giáo dục” tăng 57,90%, “ăn và dịch vụ ăn uống” tăng 2,13% (trong đó: lương thực giảm 3,64%, thực phẩm tăng 4,7%).

So với tháng 10/2012, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,89%. Nhóm “bưu chính viễn thông” là nhóm có mức giá giảm duy nhất; 10 nhóm còn lại đều có mức giá tăng và cao nhất là nhóm “giáo dục” với mức tăng 58,24%, kế tiếp là nhóm “may mặc, mũ nón giày dép” tăng 5,0%, nhóm “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” tăng ở mức 2,20%.

2.2 Giá vàng và giá đô la Mỹ

Giá vàng tháng 10 giảm 1,83% so với tháng trước, giảm 20,8% so với tháng 10/2012 và giảm 20,24% so tháng 12/2012

Chỉ số USD tháng 10 giảm 0,1% so tháng 9, tăng 1,33% so tháng cùng kỳ và tăng 1,44% so cuối năm trước.

V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 10 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 37.487,2 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế trong nước 22.412,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 59,8%, tăng 12,1% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài 15.074,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 40,2%, giảm 3%.

1. Xuất khẩu:

Xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tháng 10 ước đạt 2.206,2 triệu USD, tăng 38,1% so với tháng trước và giảm 16,5% so cùng kỳ.

Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.666,2 triệu USD, tăng 43,8% so tháng trước và giảm 10,9% so cùng kỳ.

Ước tính 10 tháng đầu năm xuất khẩu hàng hóa đạt 21.758,5 triệu USD, giảm 6,8% (giảm 1.584,6 triệu USD) so với cùng kỳ năm trước. Kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng 31,8%, giảm 21,5%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 31,6%, tăng 3,9%; Kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 36,6%, tăng 0,6%.

Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ chiếm 16,5%, Nhật Bản 15,2%, Malaysia 10,7%, Trung Quốc 9,7%, Úc 6,8%, Hàn Quốc 6%...

Nếu không tính dầu thô, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa 10 tháng đạt 15.864,2 triệu USD, giảm 3,2%; trong đó kinh tế nhà nước giảm 45,2%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế

(Không tính dầu thô)

	Tháng 10 (triệu USD)	10 tháng (triệu USD)	Cơ cấu 10 tháng (%)	Tháng 10 so với tháng 9 (%)	10 tháng so với cùng kỳ (%)
Tổng số	1.666,2	15.864,2	100,0	143,8	96,8
Kinh tế nhà nước	79,9	1.015,2	6,4	155,8	54,8
Kinh tế ngoài nhà nước	678,7	6.875,0	43,3	146,9	103,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	907,6	7.974,0	50,3	140,7	100,6

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 10 tháng và so sánh với cùng kỳ:

+ Gạo 784,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, giảm 49,6% (lượng 1.875,1 ngàn tấn, giảm 45,2%, giá bình quân giảm 7,9%).

+ Cà phê 509,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, giảm 22% (lượng 248,4 ngàn tấn, giảm 20,4%, giá bình quân giảm 2%).

+ Thủy sản 522,2 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,3% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, giảm 17,2%. Các thị trường xuất khẩu chủ yếu đều giảm so cùng kỳ: Nhật Bản chiếm tỷ trọng 21,7%, giảm 14,5%, Mỹ chiếm 11%, giảm 22,9%, Hàn Quốc chiếm 9%, giảm 30%.

+ Hàng may mặc 3.673,6 triệu USD, chiếm 23,2% tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 1,6%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 47,6%, giảm 0,1%; khu vực trong nước chiếm 52,4%, tăng 3,1%.

+ Hàng giày dép 1.492,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 9,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, giảm 2,9%. Trong đó: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 80,7%, tăng 0,2%; khu vực trong nước chiếm 19,3%, giảm 14%.

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 2.418,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không tính dầu thô, tăng 15%. Khối doanh

ngiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 98,6%, tăng 14,5%; khu vực trong nước chiếm 1,4%, tăng 64,6%.

+ Dầu thô 7.050,2 ngàn tấn, trị giá 5.894,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 27,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 7,7% về lượng và giảm 15,2% về trị giá do giá bình quân giảm 6,1%.

2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 10 ước thực hiện 2.308,3 triệu USD, tăng 7,8% so tháng trước, tăng 15% so tháng cùng kỳ năm trước.

Ước tính 10 tháng đầu năm, tổng trị giá hàng nhập khẩu đạt 21.623 triệu USD, tăng 15,5% so cùng kỳ năm trước. Thành phần kinh tế nhà nước chiếm 13,3%, tăng 62,8%; Ngoài nhà nước 53,9%, tăng 19,4%; Có vốn đầu tư nước ngoài 32,8%, giảm 1,3%

Kim ngạch nhập từ thị trường Trung Quốc chiếm 21,2%, Hồng Kông 11,2%, Singapore chiếm 7,9%, Nhật Bản 6%, Đài Loan 5,9%...

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Trị giá (triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 10	10 tháng	Tháng 10 với tháng 9	10 tháng với cùng kỳ
Tổng số	2.308,3	21.623,0	107,8	115,5
Kinh tế Nhà nước	339,8	2.881,1	109,9	162,8
Kinh tế ngoài nhà nước	1.138,6	11.641,4	106,4	119,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	829,9	7.100,5	109,0	98,7

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 9 tháng và so sánh với cùng kỳ:

- + Sữa và sản phẩm sữa 391,9 triệu USD, giảm 10%, chiếm tỷ trọng 1,8%;
- + Xăng dầu 406,9 ngàn tấn, trị giá 376,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 35,2% (lượng giảm 32,6%, giá bình quân giảm 3,8%)
- + Vải 1.637,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,6%, giảm 2,8%.
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 585,8 triệu USD, tăng 1,5%, chiếm tỷ trọng 2,7%.
- + Sắt thép 1.520,9 ngàn tấn, trị giá 921,9 triệu USD, tăng 34,1% về lượng, tăng 9% về giá trị, chiếm tỷ trọng 4,3%. Thị trường nhập chính từ Trung Quốc 52,4%, tăng 37,5%, Nhật Bản 18%, tăng 10,8%...
- + Dược phẩm 796,9 triệu USD, giảm 10,5%, chiếm tỷ trọng 3,7%.
- + Dầu mỡ động thực vật 210,4 triệu USD, giảm 24%;
- + Chất dẻo 738,9 ngàn tấn, trị giá 1.206,8 triệu USD, tăng 0,6%.

VI. GIAO THÔNG VẬN TẢI

1 Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 10 ước đạt 4.989,8 tỷ đồng, tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 17,6% so với tháng 10/2012. Dự ước 10 tháng đầu năm đạt 44.255,8 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách

	Doanh thu 10 tháng (tỷ đồng)		% so sánh 10 tháng với cùng kỳ 2012	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	30.573,2	13.682,7	116,0	113,6
<i>* Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	4.884,8	1.053,0	102,7	117,2
Kinh tế ngoài nhà nước	25.470,6	10.406,6	119,1	116,1
Kinh tế có vốn nước ngoài	217,8	2.223,1	105,8	101,7
<i>* Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Đường bộ	16.654,7	11.465,0	117,5	115,9
Đường sông	2.897,7	237,5	118,8	119,8
Đường biển	10.965,1		113,4	
Đường hàng không	55,6	1.980,2	83,0	101,4

- **Doanh thu vận tải hàng hóa** tháng 10 ước đạt 3.524,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước, tăng 18,4% so với tháng 10/2012;

Mười tháng ước đạt 30.573,2 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,1% trong tổng doanh thu vận tải thuần túy, tăng 16% so với cùng kỳ 2012. Trong đó vận tải đường bộ chiếm tỷ trọng 54,5%, tăng 17,5%; vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 35,9%, tăng 13,4%. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 83,3%, tăng 19,1%.

- **Doanh thu vận tải hành khách** tháng 10 ước đạt 1.465,2 tỷ đồng, tăng 3% so với tháng trước, tăng 15,8% so với tháng 10/2012;

Mười tháng ước đạt 13.682,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,9% trong tổng doanh thu vận tải thuần túy, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm 2012; Doanh thu đường bộ chiếm 83,8%, tăng 15,9%; đường hàng không chiếm 14,5%, tăng 1,4%.

2 Hàng hóa qua cảng:

Tổng lượng hàng hoá thông qua cảng sông và cảng biển tháng 10 ước thực hiện 6.228,5 nghìn tấn, tăng 0,9% so tháng trước và tăng 6% so với tháng 10/2012.

Tính chung 10 tháng, tổng lượng hàng hóa qua cảng đạt 59.501,1 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ; trong đó hàng hoá xuất khẩu 23.066,7 nghìn tấn, chiếm 38,8%, tăng 6,9%; hàng nhập khẩu 26.286,7 nghìn tấn, chiếm 44,2%, tăng 6,6%. Hàng hóa qua cảng biển chiếm 97,6% tổng lượng hàng hóa qua cảng.

Hàng hoá thông qua cảng

	Sản lượng (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 10	10 tháng	Tháng 10 so tháng 9	10 tháng với cùng kỳ 2012
Tổng số	6.228,5	59.501,1	100,9	106,0
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.072,5	58.052,4	101,1	107,1
Cảng sông	156,0	1.448,7	94,9	74,0
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.448,6	23.066,7	101,1	106,9
Hàng nhập khẩu	2.689,5	26.286,7	100,8	106,6
Hàng nội địa	1.090,5	10.147,6	100,7	102,3

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 10 tháng ước thực hiện 191.879,6 tỷ đồng, đạt 80,5% dự toán, tăng 7,9% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 100.438,3 tỷ đồng, đạt 74,9% dự toán, tăng 11,6% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 60.140 tỷ đồng, đạt 75,1% dự toán, tăng 9,6%; thu từ dầu thô 26.001 tỷ đồng, vượt 14,5% dự toán, giảm 5,5%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
Tổng thu	238.360	191.879,6	80,5	107,9
Tổng thu cân đối ngân sách NN	236.830	186.579,3	78,8	108,3
I- Thu nội địa	134.080	100.438,3	74,9	111,6
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.300	19.974,4	75,9	104,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	35.500	26.216,9	73,9	117,1
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	34.326	25.517,9	74,3	123,3
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	80.050	60.140,0	75,1	109,6
III- Thu từ dầu thô	22.700	26.001,0	114,5	94,5

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 10 tháng ước 19.974,4 tỷ đồng, chiếm 19,9% tổng thu nội địa, tăng 4,2% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương 11.941,5 tỷ đồng, tăng 12,3%; Nhà nước địa phương 8.033,0 tỷ đồng, giảm 5,9%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 26.216,9 tỷ đồng, chiếm 26,1%, tăng 17,1% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 25.517,9 tỷ đồng, chiếm 25,4%, tăng 23,3%. Thu khác 28.729,1 tỷ đồng, tăng 3,7%; trong đó tiền sử dụng đất 5.202 tỷ đồng, tăng 2,3%, thuế thu nhập cá nhân 14.986,9 tỷ đồng, tăng 3,2%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 10 tháng ước 41.614,1 tỷ đồng, đạt 100% dự toán, giảm 14,4% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 10 tháng ước thực hiện 33.971,1 tỷ đồng, đạt 78,3% dự toán, tăng 5,4% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2013 (Tỷ đồng)		% thực hiện 10 tháng năm 2013 so với	
	Dự toán	Ước TH 10 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2012
Tổng chi (trừ tạm ứng)	43.384,1	33.971,1	78,3	105,4
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	12.978,8	11.487,2	88,5	102,2
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.390,0	655,6	19,3	118,6
II- Chi thường xuyên	28.190,0	19.251,1	68,3	114,6
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	4.394,8	2.553,7	58,1	100,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	7.958,2	5.413,7	68,0	121,2
Sự nghiệp y tế	3.002,2	2.014,7	67,1	111,8
Quản lý hành chính	4.171,1	3.089,4	74,1	121,7

Chi đầu tư phát triển 10 tháng ước thực hiện 11.487,2 tỷ đồng, tăng 2,2% so cùng kỳ, trong đó chi trả lãi và vốn vay 655,6 tỷ đồng, tăng 18,6% so cùng kỳ.

Chi thường xuyên 10 tháng ước 19.251,1 tỷ đồng, tăng 14,6% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 2.553,7 tỷ đồng, tăng 0,8%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 5.413,7 tỷ đồng, tăng 21,2%; chi sự nghiệp y tế 2.014,7 tỷ đồng, tăng 11,8%; chi quản lý hành chính 3.089,4 tỷ đồng, tăng 21,7%; chi đảm bảo xã hội tăng 15,6%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 6,5%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 10 tháng ước 49.922,5 tỷ đồng, vượt 15,1% dự toán, tăng 9,5% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 10 đạt 1.071,5 ngàn tỷ, tăng 0,84% so tháng trước (chỉ số này tháng trước là +0,86%), tăng 7,89% so cuối năm 2012 và tăng 14,0% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 55,1% tổng vốn huy động, tăng 14,9% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 16,3%, giảm 7,8% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 83,7% tổng vốn huy động, tăng 19,5% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm chiếm 57,9%, tăng 27,3%.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 10 đạt 894,3 ngàn tỷ đồng, giảm 0,32% so tháng trước; thấp hơn chỉ số của 2 tháng liền kề trước 0,23% (tháng 8) và 0,05% (tháng 9), như vậy dư nợ tín dụng có dấu hiệu giảm dần. Dư nợ tăng 4,54% so cuối năm 2012 và tăng 15,3% so tháng 9/2012.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 482,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 53,9% tổng dư nợ, tăng 23,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 150,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,9% tổng dư nợ, giảm 23,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 743,4 ngàn tỷ đồng chiếm 83,1% tổng dư nợ, tăng 28,7% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 45,8%, tăng 22,6%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 54,2% tăng 9,8% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 09/2013, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 gồm 301 cổ phiếu và 3 chứng chỉ quỹ, giảm 3 chứng khoán so với cuối tháng 08.

Ngày 04/09, mã chứng chỉ quỹ PRUBF1 của Quỹ Đầu tư Cân bằng Prudential hủy niêm yết với lý do quỹ giải thể do hết thời gian hoạt động; ngày 24/09, mã cổ phiếu PVF của Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam hủy niêm yết để thực hiện việc hợp nhất với Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Tây; ngày 25/09, mã chứng chỉ quỹ VFMVF1 của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam hủy niêm yết với lý do thực hiện việc chuyển đổi từ quỹ đóng sang quỹ mở.

Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 818.510 tỷ đồng, tăng 20,24% so với cuối năm trước. Trong tháng 09, có 20 phiên giao dịch, 13 phiên tăng điểm và 7 phiên giảm điểm. VN-Index có chuỗi 14 phiên liên tiếp (từ 10/09 đến 27/09) khá bình yên với tỉ lệ tăng giảm so với phiên kế trước nhỏ hơn 1%. Xu hướng chính trong tháng của VN-Index là tăng điểm chậm rãi và kết thúc tháng với 492,63 điểm, tăng 19,93 điểm (tương ứng tăng 4,22%) so với cuối tháng trước. So với cuối năm trước, VN-Index tăng 19,07% (tương ứng tăng 78,90 điểm).

- Khối lượng giao dịch của tháng 09/2013 đạt 982,7 triệu chứng khoán, tăng 3,3% so với tháng 08/2013. Khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 972,6 triệu cổ phiếu, tăng 3,2% so tháng trước; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 837,4 triệu chứng khoán, giảm 5,5% so tháng trước; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 145,3 triệu chứng khoán, tăng 124,9% so tháng trước.

- Giá trị giao dịch của tháng 09/2013 đạt 16.753,3 tỷ đồng, giảm 11,2% so tháng trước. Trong đó, giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 16.378,7 tỷ đồng, giảm 12,1% so tháng trước; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 12.478,5 tỷ đồng, giảm 21,0% so tháng trước; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 4.274,8 tỷ đồng, tăng 39,5% so tháng trước.

Trong tháng 09, trung bình mỗi phiên có 49,1 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 837,7 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch mỗi phiên tăng 13,7% nhưng giá trị giao dịch giảm 2,3% so với tháng 08.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 09, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 418,35 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 07/06 với 527,97 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 09	9 tháng	Tháng 09 so với tháng 08	9 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệuCK)	982,7	10.706,5	103,3	93,4
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	972,6	10.612,4	103,2	93,1
Trái phiếu	3,2	23,4	266,7	115,8
Chứng chỉ quỹ	6,9	70,7	97,2	144,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	837,4	9.652,3	94,5	100,7
Giao dịch thỏa thuận	145,3	1.054,2	224,9	56,2
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	16.753,3	186.379,6	88,8	102,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	16.378,7	183.689,8	87,9	102,3
Trái phiếu	268,4	1.909,1	231,8	101,6
Chứng chỉ quỹ	106,2	780,7	104,6	251,8

Chia theo hình thức giao dịch:

Giao dịch khớp lệnh	12.478,5	153.430,8	79,0	111,0
Giao dịch thỏa thuận	4.274,8	32.948,8	139,5	75,6

Đến ngày 15/10, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 gồm 301 cổ phiếu và 3 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 09. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 826.931 tỷ đồng, tăng 21,48% so với cuối năm trước. VN-Index tại ngày 15/10 đạt 495,72 điểm, tăng 19,82% so với cuối năm trước (tương ứng tăng 81,99 điểm).

VIII. HOẠT ĐỘNG Y TẾ VÀ XÃ HỘI

1. Y tế

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Trong tháng 9 có 1.049 ca, giảm 17,3% so với tháng 9/2012 và tăng 38,9% so với tháng trước. Tổng số ca mắc bệnh 9 tháng là 5.372 ca, giảm 35% (-2.890 ca) so với cùng kỳ năm 2012. Có 4 trường hợp tử vong, giảm 2 trường hợp tử vong so với cùng kỳ. Ngành y tế thành phố vẫn tích cực công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ phun hóa chất phòng chống dịch bệnh tại các phường, xã có số ca mắc bệnh cao.

- **Bệnh tay chân miệng:** Tổng số ca mắc bệnh trong 9 tháng đầu năm là 5.622 ca, giảm 45,7% so với cùng kỳ năm trước. Có 1 trường hợp tử vong (cùng kỳ năm trước có 6 trường hợp tử vong). Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố, nhiều nhất ở huyện Bình Chánh, quận 8, quận Bình Tân. Thành phố đề nghị các quận/huyện tăng cường công tác phòng chống dịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức tuyên truyền trong các trường học. Kiểm soát bệnh trong các trường mầm non, nhóm trẻ gia đình và các ca bệnh ở cộng đồng đông dân cư, nhất là ở các khu nhà trọ. Đồng thời xử lý triệt để các ca bệnh và ổ dịch theo hướng dẫn của Trung tâm Y tế Dự phòng.

2. Hoạt động văn hóa

Ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch Thành phố đã phối hợp với Ban tổ chức lễ tang của Thành ủy và UBND Thành phố phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, công báo hai ngày Lễ Quốc tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Các công sở, nơi công cộng phải treo cờ rủ không tổ chức liên hoan văn nghệ, ngừng các hoạt động vui chơi giải trí. Lễ Quốc tang Đại tướng được tổ chức trong 2 ngày 12 và 13 tháng 10 tại Hội trường Thống Nhất để các cơ quan, đơn vị, cá nhân, các đoàn ngoại giao quốc tế khu vực Miền Nam đến viếng và dự lễ truy điệu. Lễ Quốc tang đã được tổ chức trong không khí trang nghiêm và xúc động, thể hiện sự thành kính của nhân dân và bạn bè quốc tế đối với những đóng góp vô cùng lớn lao của Đại tướng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta và các nước trên thế giới.

Trong tháng 10 ngành Văn hóa Thành phố cũng đã tiến hành triển khai chấm điểm gia đình văn hóa theo thang điểm mới năm 2013 đến các hộ dân trên địa bàn của thành phố và đưa ra tổ dân phố để bình xét, làm cơ sở cho việc xét chọn gia đình văn hóa năm 2013.

3. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/8/2013 đến ngày 15/9/2013)

- **Vi phạm kinh tế, môi trường:** phát hiện và xử lý 58 trường hợp vi phạm về kinh tế, thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 3,77 tỷ đồng; 98 vụ vi phạm pháp

luật về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải.

- Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 09 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 47 người tổ chức môi giới và gái mại dâm.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã phát hiện và lập hồ sơ xử lý 51 vụ tổ chức cờ bạc với 223 người tham gia, thu giữ trên 727 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Trên địa bàn thành phố xảy ra 74 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 14 vụ so với cùng kỳ năm trước, giảm 20 vụ so với tháng trước; làm chết 62 người, bị thương 20 người.

Đã lập biên bản hành chính 77,2 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tước giấy phép lái xe 9,9 ngàn trường hợp, xử lý 2,6 ngàn trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,... chuyển kho bạc nhà nước thu trên 29 tỷ đồng.

- **Về tình hình cháy, nổ:** xảy ra 39 vụ cháy, giảm 10 vụ so với cùng kỳ năm trước, tăng 02 vụ so với tháng trước, làm chết 01 người và bị thương 08 người, thiệt hại về tài sản trị giá trên 387 triệu đồng (07 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng điện.

4. Giải quyết việc làm:

Trong tháng 10, các khu vực kinh tế trên địa bàn thành phố giới thiệu và giải quyết việc làm cho hơn 22 ngàn lao động, giảm 14,1% so với tháng trước. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 18,3 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 10,2 ngàn chỗ làm. Tính chung từ đầu năm đến nay thành phố đã giải quyết việc làm cho 238,2 ngàn lao động, đạt 89,9% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 156,1 ngàn người. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 97,7 ngàn chỗ làm, đạt 81,5% kế hoạch năm.

5. Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp: Từ ngày 16/9 đến ngày 11/10, đã có 8,9 ngàn người lao động đăng ký thất nghiệp tại Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố, có 11,3 ngàn người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đến các tỉnh là 1,4 ngàn người, số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp là 449 người. Có 2,2 ngàn người được tư vấn giới thiệu việc làm, 453 người được hỗ trợ học nghề. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp: 122,6 tỷ đồng.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2013.